TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 01 - 6 - 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng D, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Trương T, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn kiện lập ngày 20/6/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng D trình bày:

Vào ngày 24/7/2013 ông và bà Thrơng T tự đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống với nhau rất hạnh phúc và có người con

chung tên Đặng V, sinh ngày 25/02/2012 hiện con chung đang sống với ông D. Nhưng thời gian sau giữa ông và bà T thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy giữa ông và bà T không còn tình cảm nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Trương T.

- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng V, sinh ngày 25/02/2012 đến tuổi trưởng thành, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét và giải quyết.

2/ Bị đơn bà Trương T vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3/ Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc xin ly hôn với bà T; Về con chung đề nghị HĐXX giao con chung tên Đặng V, sinh ngày 25/02/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo nguyên đơn trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/2013. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu nguyên đơn cung cấp - giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013 (Bút lục 08) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà T, hiện nay giữa hai người đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay không còn liên lạc cũng không còn quan tâm với nhau. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau chăm sóc các con. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của ông D và bà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông D xác định không còn tình cảm với bà T và kiên quyết xin ly hôn với bà T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà T.

[4] *Về con chung*: Theo ông D trình bày thì ông và bà T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Đặng V, sinh ngày 25/02/2012, hiện con đang sống chung với ông D, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu V đang được cha ruột là ông D nuôi dưỡng, được ông D cho đi học đảm bảo đúng độ tuổi, cháu V có cuộc sống ổn định cùng với ông D. Ngoài ra, theo công văn số 131/UBND-VP ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang xác định hiện ông D có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cho cháu V ổn định về mặt tâm lý và môi trường sống của cháu. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX giao con chung cháu V cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho bà T được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: ông Duy không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí:* Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng ông D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Từ những phân tích nêu trên xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn ông Đặng D được ly hôn với bị đơn bà Trương T.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Đặng V, sinh ngày 25/02/2012 cho ông Đặng D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bà Trương T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Ông Đặng D không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn ông Đặng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007342, ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn ông D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã T, huyện G,
tỉnh Tiền Giang;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ký tên và đóng dấu

Đặng Thị Vàng